TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HN-ST
Ngày: 09-8-2018
Về việc "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn *tham gia phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 28-02-2018 về "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Ngô Thị L, sinh năm 1967; cư trú: tổ 4, ấp T, xã N, huyện T1, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969; cư trú: tổ 4, ấp T, xã N, huyện T1, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, bà Ngô Thị L trình bày: bà và ông Nguyễn Văn L1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được 32 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông L1 có người phụ nữ khác dẫn đến việc ông không lo cho gia đình, thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, đập phá nhà cửa. Do lo sợ nên bà đã ly thân với ông L1 từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

Quá trình chung sống, ông bà có với nhau 04 con chung là chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1985, anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1988, anh Nguyễn Văn Ngoan E, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 12-7-2000. Do

chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Nguyễn Văn N1 đã trưởng thành và sống tự lập nên bà yêu cầu được nuôi anh Nguyễn Văn Ngoan E và anh Nguyễn Văn H, không yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, ông Nguyễn Văn L1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L1 không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án, không liên hệ Tòa án làm việc khi được thông báo, yêu cầu nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà Ngô Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Văn L1 là bị đơn, có nơi cư trú tại xã N, huyện T1, tỉnh An Giang và quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: bà Ngô Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn L1 hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn L1 vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xử xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 1984 và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nhưng do ông bà chung sống với nhau từ năm 1984 nên hôn nhân của ông bà vẫn được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Ngô Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L1 do bà cho rằng ông L1 có hành vi bạo lực gia đình, có hành vi vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Lời trình bày của bà L là có cơ sở vì theo biên bản xác minh ngày 02-3-2018 được biết ông Nguyễn Văn L1 đang chung sống với người phụ nữ khác và thường xuyên cãi vả, đánh nhau với bà L.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong các quyền và nghĩa vụ ấy, nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, xác minh ngày 02-3-2018 của Tòa án đã cho thấy vợ chồng ông bà đã ly thân từ đầu năm 2017 mà nguyên nhân từ việc ông Nguyễn Văn L1 có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn L1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: theo bà Ngô Thị L, vợ chồng ông bà có 04 con chung là chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1985, anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1988, anh Nguyễn Văn Ngoan E, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 12-7-2000; do chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Nguyễn Văn N1 đã trưởng thành và sống tự lập nên bà yêu cầu được nuôi anh Nguyễn Văn Ngoan E và anh Nguyễn Văn H, không yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của bà Ngô Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Thị Mỹ P, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn Ngoan E đã thành niên có khả năng sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với con chung của ông bà là anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 12-7-2000, mặc dù khi Tòa án thụ lý vụ án, anh Nguyễn Văn H chưa thành niên nhưng đến thời điểm hiện tại anh Nguyễn Văn H đã thành niên và có khả năng số tự lập nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung: do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: bà Ngô Thị L là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên chị phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

Về con chung: không giải quyết do các con chung đã trưởng thành và sống tự lập.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: bà Ngô Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018290 ngày 27-02-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã Núi Tô;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng